TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12-04-2024
"*V/v ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bé Hai
2. Ông Nguyễn Văn Mua

- Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Chanh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên toà*:** Không.

Trong ngày 12 tháng 04 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2024/TLST-HNGĐ, ngày 05/01/2024 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/02/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 35/2024/QĐ-HNGĐ, ngày 20/03/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1991 (có mặt)

HKTT: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn S,** sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Vào năm 2015 qua quen biết nên chị và anh Nguyễn Văn S có tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 06/10/2015 tại UBND xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và sống không hợp nhau, vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn, anh S thường xuyên nhậu nhẹt, không lo cho

vợ con, nên dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Chị về nhà mẹ ruột chị ở ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long sống cho đến nay. Từ lúc ly thân vợ chồng không đoàn tụ được, không liên lạc gì với nhau. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Chị T yêu cầu nuôi con chung là cháu Nguyễn Đan N, sinh ngày 21/07/2016 và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn S vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không trình bày.

- Tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày: Chị vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn S. Về con chung: Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con chung là cháu Nguyễn Đan N, sinh ngày 21/07/2016 và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "*Ly hôn, nuôi con*"; bị đơn anh Nguyễn Văn S cư trú tại xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về pháp luật nội dung:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh S có quen biết tìm hiểu nhau từ năm 2015 rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long ngày 06/10/2015 nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo Nguyễn Thị Bích T trình bày: Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và sống không hợp nhau, vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn, anh S thường xuyên nhậu nhẹt, không lo cho vợ con, nên dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm

2017 cho đến nay. Chị về nhà mẹ ruột tôi ở ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long sống cho đến nay. Từ lúc ly thân vợ chồng không đoàn tụ được, không liên lạc gì với nhau. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân của vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, tuy nhiên hiện tại vợ chồng chị T, anh S đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Qua đó cho thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "*... Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*".

[2]. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Bích T khai có con chung với anh Nguyễn Văn S là Nguyễn Đan N, sinh ngày 21/07/2016 và yêu cầu được nuôi con.

Xét thấy việc quyết định giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của người con, về điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".* Chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cháu Nguyên trên 07 tuổi cũng có bản khai là có nguyện vọng sống chung với chị T. Do đó để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển của cháu, tránh thay đổi môi trường sống và học tập của cháu. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích T là giao cháu Nguyễn Đan Nguyên, sinh ngày 21/07/2016 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của cháu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn S được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Nguyễn Thị Bích T khai chưa yêu cầu, anh Nguyễn Văn S cũng chưa có văn bản nào trình bày về việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Bích T khai chưa yêu cầu, anh Nguyễn Văn S cũng chưa có văn bản nào trình bày về tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

[2]. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Đan N, sinh ngày 21/07/2016 cho chị Nguyễn Thị Bích T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của cháu.

Anh Nguyễn Văn S được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do chưa có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Do chưa có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Bích T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số No 0013837 ngày 05/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Chị Nguyễn Thị Bích T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long*;
- *VKSND huyện Tam Bình*;
- *CCTHADS huyện Tam Bình*;
- *UBND xã B, huyện Tam Bình;*
- *Các đương sự*;
- *Lưu hồ sơ vụ án*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bảo